

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/8/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Kim Thương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Quang Hải;  
2. Bà Trần Thị Minh Lệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Nghi P; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Cao C; địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ hiện nay: Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Nghi P trình bày:*

Chị Hoàng Thị Nghi P và anh Cao C đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, anh C vào sinh sống với chị P và gia đình chị P tại địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Đến ngày 05/9/2018, anh C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được, vợ chồng không liên lạc với nhau nên chị P không biết địa chỉ cụ thể của anh C tại Đài

Loan. Nay chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị P và anh C chung sống có 01 con chung là cháu Cao Hoàng Khánh A, sinh ngày 02/4/2016, hiện do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh C không biết khi nào về nên chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu A và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Cao C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị P.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/6/2022, bà Võ Thị T (mẹ của anh Cao C) có ý kiến: Anh C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2018, cháu Cường thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội, không biết được địa chỉ cụ thể của anh C, chỉ biết đang lao động tại Đài Loan. Gia đình biết được cháu C và P mâu thuẫn cách đây khoảng 2 năm, đến nay mâu thuẫn vẫn chưa được giải quyết, gia đình đã khuyên ngăn, hòa giải nhưng không thành. Nay cháu P xin ly hôn, gia đình không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Bà Hồ Thị T (mẹ của cháu C) cam đoan nhận Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại nội dung cho cháu C biết. Quá trình thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án vẫn không nhận được ý kiến trả lời của anh C.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nên đây là trường hợp có tình dẫu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Nghi P được ly hôn anh Cao C.

+ Về con chung: Giao cháu Cao Hoàng Khánh A, sinh ngày 02/4/2016 cho chị Hoàng Thị Nghi P chăm sóc nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Nghi P yêu cầu ly hôn với anh Cao C khi anh C đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị P và gia đình anh C không cung cấp được địa chỉ của anh C tại Đài Loan, nhưng phía gia đình của anh C vẫn thường xuyên liên lạc với anh C qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội facebook, Zalo. Gia đình anh C nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan thông báo nội dung cho anh C nhưng anh C không cung cấp địa chỉ, trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị P nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ*” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Nghi P, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Nghi P và anh Cao C trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian, đến năm 2018 thì anh C xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị P kiên quyết ly hôn, anh C không liên lạc với chị P để trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, hôn nhân là sự tự nguyện, mâu thuẫn giữa chị P và anh C không thể khắc phục được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị P và anh C có 01 con chung là Cao Hoàng Khánh A, sinh ngày 02/4/2016, do chị P đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng nuôi con của chị P thấy rằng, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là nghĩa vụ của cha, mẹ; hiện nay anh C đi xuất khẩu lao động chưa về nên giao cháu Cao Hoàng Khánh A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Nghi P được ly hôn anh Cao C.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Hoàng Khánh A, sinh ngày 02/4/2016 cho chị Hoàng Thị Nghi P trực tiếp nuôi dưỡng, anh Cao C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cao C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Nghi P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000089 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Hoàng Thị Nghi P đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND phường Đông Giang;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đoàn Thị Kim Thương**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND phường Đông Giang;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Thị Kim Thương**